

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 01 - 2025
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Bé Ngọc.
- Ông Đặng Văn Côn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Phước Lộc - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 301/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Mỹ H; sinh năm: 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Thiên K; sinh năm: 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ H trình bày:

- Chị Phạm Thị Mỹ H và anh Trần Thiên K kết hôn vào năm 2017. Hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 53 ngày 07/12/2017. Thời

gian đầu vợ, chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Thiên K.

- Về con chung: Vợ, chồng anh, chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ, chồng anh, chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Thiên K trình bày:

- Chị Phạm Thị Mỹ H và anh Trần Thiên K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật như lời trình bày của chị H. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh K thống nhất ly hôn với chị H.

- Về con chung: Vợ, chồng anh, chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ, chồng anh, chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn đã giao nộp chứng cứ: Bản tự khai của nguyên đơn, Căn cước công dân của nguyên đơn và bị đơn (bản sao), Đơn xin xác nhận địa chỉ cư trú của bị đơn, Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Đơn xin vắng mặt.

Bị đơn đã giao nộp chứng cứ: Bản tự khai của bị đơn; Đơn xin vắng mặt; Đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải; Căn cước công dân của bị đơn (bản photo).

Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Không có.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không trình bày ý kiến.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị Phạm Thị Mỹ H và anh Trần Thiên K kết hôn ngày 07/12/2017 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Mỹ H và anh Trần Thiên K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ, chồng anh, chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ, chồng anh, chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bị đơn. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện V, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩ Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Mỹ H và anh Trần Thiên K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 53 ngày 07/12/2017. Xét thấy việc kết hôn của chị H và anh K tuân thủ theo các điều kiện quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị H và anh K là hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc. Bị đơn anh K thừa nhận trong quá trình chung sống giữa vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc và thống nhất ly hôn với chị H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên và tạo điều kiện để vợ, chồng đoàn tụ nhưng chị H và anh K vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy hai bên thực sự tự nguyện ly hôn và việc thuận tình ly hôn của chị H và anh K phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh K.

[5] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Mỹ H và anh Trần Thiên K.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Chuyển số tiền tạm ứng án phí chị Phạm Thị Mỹ H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009015 ngày 28/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị Phạm Thị Mỹ H được nhận lại số tiền là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị đơn anh Trần Thiên K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND cấp xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ánh Trúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Bé Ngọc

Đặng Văn Côn

Võ Thị Ánh Trúc

